

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 25-11-2022

V/v “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N**

Với T phần H đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn B.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang;

Bà Dương Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐPT-DS ngày 08-11-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị X, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 6, đường Suối Đ -Khedol, tổ 2, ấp Phước H, xã Suối Đ, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; (là người đại diện theo uỷ quyền văn bản uỷ quyền ngày 21-4-2022) có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963; địa chỉ cư trú: khu phố Hiệp B, phường Hiệp N, T phố Tây N, tỉnh Tây N. (là người đại diện theo uỷ quyền văn bản uỷ quyền ngày 21-10-2022) có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; chị Phan Thị Kim Anh, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank Việt Nam); địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, phường T Công, quận Ba Đình, T phố Hà Nội; do ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Quốc D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N (theo Quyết định uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019); địa chỉ: Số 381, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 1, Thị trấn Dương Minh C, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2021; đơn khởi kiện bổ sung ngày 09 tháng 6 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị X và người đại diện hợp pháp trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau năm 1994, năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N. Ngày 21-11-2020 chị đi Đám cưới họ hàng bên chị, khi về nhà thì anh T uống rượu, Đnh chị nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Chị và anh T có 01 con chung Nguyễn Duy Tân, sinh ngày 10-4-1995; đã trưởng T, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

- Phần 1: Diện tích đất 1823,7 m²; được xác định bởi chu vi các điểm mốc d, 2, 3, 4 trên sơ đồ hiện trạng sử dụng; thuộc một phần 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N. Chị yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất nằm vị trí giáp đất anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị Kim Anh.

- Phần 2: Căn nhà, tài sản và công trình gắn liền trên phần đất thửa 622, 624, tờ bản đồ số 6; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C được mô tả tại phần A trong Chứng thư thẩm định giá số 230921/BCCT-SGL ngày 19-11-2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một T Viên Thẩm định giá SGL; trị giá là 320.161.400 đồng. Chị đồng ý giao tài sản trên cho anh T quản lý, sử dụng và yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

- Phần 3: Số tiền 160.000.000 đồng bán mì anh T giữ. Chị đồng ý việc anh T đã sử dụng số tiền 136.020.000 đồng để thanh toán các khoản nợ; còn lại số tiền 23.980.000 đồng. Chị yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ số tiền 23.980.000 đồng.

- Phần 4: Khi chị về chung sống với anh T đã có 01 con trâu (cái) là tài sản của mẹ anh T. Sau đó, con trâu sinh được 02 con, anh T bán 01 con trâu vào tháng 5 năm 2021 được số tiền 12.000.000 đồng, chị yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền bán trâu; không tranh chấp 02 con trâu còn lại.

- Phần 5: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 70E1-018.91; trị giá 16.000.000 đồng, hiện chị đang quản lý sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1-2059; trị giá 25.000.000 đồng, hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Chị đồng ý giao 02 xe mô tô cho anh T và yêu cầu anh T giao lại tiền chênh lệch tài sản $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 8.000.000 đồng + 12.500.000 đồng = 20.500.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Thời gian chung sống, kết hôn như chị X trình bày là đúng. Tuy nhiên, khoảng thời gian cuối năm 2020 anh phát hiện chị X có quan hệ không trong sáng với người đàn ông khác sự việc này con anh chứng kiến. Do chị X có những khoảng thời gian bất minh nên vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Anh đồng ý ly hôn với chị X.

Con chung Nguyễn Duy Tân, sinh ngày 10-4-1995; đã trưởng T có gia đình riêng; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản anh có ý kiến như sau:

- Thống nhất tài sản chung là QSD đất như chị X trình bày tại phần 1. Anh yêu cầu được chia diện tích đất với tỷ lệ 60%. Do phần đất này anh nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị Nương từ tiền chuyển nhượng diện tích đất 10.810 m², thửa 249, 250, 251, 252, 253; tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N là tài sản riêng được mẹ anh là bà Huỳnh Thị Nói tặng cho.

- Đối với tài sản chị X trình bày tại phần 2 thì tài sản chung của vợ chồng bao gồm: Mái che diện tích 79 m², nhà vệ sinh diện tích 6 m², trụ bồn nước cao 3,5 m, chiều rộng 1m², 01 bồn nước và 60.000.000 đồng tiền chung của vợ chồng đã sử dụng vào chi phí tô mặt bên ngoài của căn nhà; anh đồng ý chia cho chị X. Riêng căn nhà và các công trình khác là tài sản riêng của anh nên không đồng ý chia cho chị X.

- Đối với số tiền 23.980.000 đồng là tiền bán mì còn lại anh thừa nhận là tài sản chung. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh đã sử dụng hết số tiền này để lo cho con và cháu nên không đồng ý theo yêu cầu của chị X.

- Con trâu (cái) có nguồn gốc là của mẹ anh bà Huỳnh Thị Nói cho anh, do đó tài sản phát sinh liên quan đến con trâu là tài sản riêng của anh. Anh đã bán 01 con trâu con vào tháng 5 năm 2021 được số tiền 12.000.000 đồng; không đồng ý chia tài sản này cho chị X.

- Anh đồng ý giao xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 70E1-018.91 cho chị X và yêu cầu chị X giao lại tiền chênh lệch tài sản ½ giá trị chiếc xe là 8.000.000 đồng; anh có trách nhiệm giao lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị X. Riêng xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1-2059; trị giá 25.000.000 đồng, anh mua năm 1997 từ tiền riêng của mình nên không đồng ý chia cho chị X.

Tờ trình ngày 20-5-2022 (bút lục số 193, số 194), biên bản hòa giải ngày 12-7-2022 (từ bút lục số 267 đến bút lục số 271) anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị Kim Anh trình bày:

Năm 2018 anh T, chị X chuyển nhượng cho vợ chồng anh chị phần đất diện tích 451,9 m², được xác định bởi chu vi các điểm mốc 1, d, 4, 5, 6 trên sơ đồ hiện trạng sử dụng đất; thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N. Do là xui gia với nhau nên không làm hợp đồng

chuyển nhượng, giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng; anh chị đã thanh toán được số tiền 50.000.000 đồng; còn nợ lại là 50.000.000 đồng. Năm 2019 anh chị đã cất nhà sinh sống tại đất này cho đến nay; các bên chưa làm thủ tục tách thửa sang tên. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chuyển nhượng đất trong vụ án ly hôn giữa anh T và chị X; để các bên tự giải quyết với nhau.

Tờ trình ngày 20-5-2022 (bút lục số 191, số 192) anh Nguyễn Văn G trình bày:

Chứng thư Thẩm định giá số 230921/2021/CT-SGL ngày 19-11-2021 thể hiện diện tích xây dựng liền kề căn nhà cấp 4 được mô tả tại phần B, bao gồm: Diện tích trong nhà xây dựng là 16,5 m² + diện tích phòng ngủ xây dựng là 10,5 m² là tài sản của anh. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản này trong vụ án ly hôn của anh T, chị X. Hiện nay, do bị bệnh ung thư thanh quản ác tính nên anh xin vắng mặt.

Văn bản số 07/NHNo.DMC-KHKD ngày 08-7-2022 (bút lục số 250) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Do ông Lê Quốc D là giám đốc Chi nhánh Huyện Dương Minh C; là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Lâm Thị X giao kết với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Dương Minh C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-202001195 ngày 07-02-2020: Số tiền vay 230.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; phân kỳ trả nợ: 07-02-2021 trả số tiền 76.000.000 đồng, 07-02-2022 trả số tiền 76.000.000 đồng, 07-02-2023 trả số tiền 78.000.000 đồng. Dư nợ còn phải trả tạm tính đến ngày 08-7-2022 là 78.000.000 đồng tiền gốc và 3.740.000 đồng tiền lãi. Hiện tại khoản vay của anh T, chị X chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án ly hôn. Trong trường hợp anh T, chị X vi phạm hợp đồng Ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết và xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 9.293 m²; thửa 622, 624, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; giấy chứng nhận QSD đất số 05752QSDĐ/966/2004/QĐ-UB, do Ủy ban nhân dân Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N cấp ngày 13-7-2004 cho anh Nguyễn Thanh T; theo hợp đồng thế chấp số 15/89/2020/HĐTC ngày 07-02-2020.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-7-2022 (bút lục số 276) chị Nguyễn Thị Nương trình bày:

Chị là chị ruột của anh Nguyễn Thanh T. Khi chị 20 tuổi thì cha mẹ ly hôn. Khi đó, 03 chị em là anh Nguyễn Văn Song, anh Nguyễn Văn Bước và chị Nguyễn Thị Cảnh sống cùng ở cha là ông Nguyễn Văn Hoen; chị, anh Nguyễn Văn G và Nguyễn Thanh T ở cùng mẹ là Huỳnh Thị Nói. Năm 21 tuổi chị có gia đình ở riêng, sau đó, anh G có gia đình ở riêng; còn anh T ở chung với mẹ đến năm 2002 thì mẹ mất. Chị được mẹ cho 02 con trâu và khoảng 5 công đất gần sát nhà mẹ; đất này hiện nay chị X, anh T đang tranh chấp; năm 2014 chị chuyển nhượng 5 công đất này cho anh T, chị X số tiền 419.000.000 đồng và làm thủ tục cho anh T, chị X đứng tên giấy chứng nhận QSD đất thửa 130, 133; tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-7-2022 (bút lục số 301) anh Nguyễn Văn Song trình bày:

Anh là anh ruột của anh Nguyễn Thanh T. Khi cha mẹ anh ly hôn thì các con gồm: anh, anh Nguyễn Văn Bước, chị Nguyễn Thị Cảnh sống cùng ở cha là ông Nguyễn Văn Hoen; chị Nguyễn Thị Nương, anh Nguyễn Văn G và Nguyễn Thanh T ở cùng mẹ là bà Huỳnh Thị Nói. Anh và anh Bước được cha cho mỗi người khoảng hơn 0,5 ha đất, giáp nhau thuộc ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C; nhưng anh Bước đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Anh và anh Bước sử dụng để trồng lúa. Sau này, anh và anh Bước chuyển nhượng hết đất này cho mẹ thời gian không nhớ chính xác nhưng lúc đó thì anh T đã chung sống với chị X; do là mẹ con với nhau nên không làm giấy tờ; sau này mẹ anh cho anh T nên anh Bước làm thủ tục sang tên cho anh T đứng tên giấy chứng nhận QSD đất diện tích 10.810 m², thửa 249, 250, 251, 252, 253; tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-7-2022 (bút lục số 284) anh Nguyễn Duy Tân trình bày:

Anh, anh Thịnh và anh Triệu hiện đang là Công an xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N. Cha mẹ anh là ông Nguyễn Thanh T, bà Lâm Thị X. Khoảng 20 giờ 00 phút, tháng 11 năm 2020, anh nghe được thông tin nói mẹ anh và người đàn ông đang ngồi tâm sự tại đường đất đỏ ở Cầu Phước N; khi anh đến nơi thì thấy mẹ anh và

ông Lê Phi Toàn đang ngồi ôm nhau trên xe của ông Toàn; anh điện thoại cho anh Thịnh đến hỗ trợ. Khoảng 5 phút sau thì anh Thịnh và anh Triệu đến nơi. Anh điện thoại cho cha anh đến chứng kiến nhưng mẹ anh năn nỉ đừng gọi để về nhà giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-7-2022 (bút lục số 290) anh Trần Quốc Thịnh trình bày:

Anh quen biết với anh Nguyễn Duy Tân, anh Dương Minh Triệu do đều là công an xã Phước N và biết cha mẹ của anh Tân là ông T, bà X. Khoảng 20 giờ 00 phút, tháng 11 năm 2020, anh và Triệu đang ở xã Phước N thì Tân điện thoại cho anh nói chạy L cầu Phước N hướng vườn ổi của Công ty Trung Việt hỗ trợ giùm; nên anh và Triệu chạy xe đến. Khi đến nơi thấy anh Tân, bà X, ông Toàn đang cự cãi nhau; anh Tân định Đnh anh Toàn nhưng anh và anh Triệu ngăn cản; khi đó anh được biết là bà X và ông Toàn cặp bồ với nhau, khi đang ngồi tâm sự tại đây thì bị anh Tân phát hiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-7-2022 (bút lục số 295) anh Dương Minh Triệu trình bày:

Anh quen biết với anh Nguyễn Duy Tân, anh Nguyễn Quốc Thịnh do đều là công an xã Phước N và biết cha mẹ của anh Tân là ông T, bà X. Khoảng 20 giờ 00 phút, tháng 11 năm 2020, anh Thịnh nói với anh cùng đi đến cầu kênh Tây thuộc ấp Phước H, xã Phước N, Huyện Dương Minh C công tác; khi đó anh và Thịnh chạy xe đến cầu kênh Tây thì thấy anh Tân, bà X, ông Lê Phi Toàn (anh biết rõ là do trước đây ông Toàn làm tổ tự quản ấp Phước H, xã Phước N, Huyện Dương Minh C) đang cự cãi nhau cách cầu 200-300 m; khi đó trời mưa, không có đèn và anh Tân định Đnh ông Toàn nhưng anh và anh Thịnh ngăn cản; lúc đó anh biết được sự việc là bà X và ông Toàn cặp bồ với nhau, khi đang ngồi tâm sự thì bị anh Tân phát hiện.

Các đương sự thống nhất:

Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất được Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện Dương Minh C thẩm định ngày 06-12-2021, Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đề ngày 13-12-2021 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một T viên Vật liệu Thuận Thiên Phát thể hiện:

- Tài sản chung của anh T, chị X không yêu cầu Toà án giải quyết: Thửa đất 130, tờ bản đồ số 39, diện tích 2929,7 m²; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; được tách T 02 thửa:

+ Thửa 539, diện tích 1924,4 m², tờ bản đồ số 39; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Dương Minh C cập nhật biến động ngày 21-3-2022 theo hồ sơ số 002254 CN.001 cho anh Lê Văn Hải, sinh 1967; ngụ ấp Thuận Tân, xã Truông Mít, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

+ Thửa 540, diện tích 1000,6 m², tờ bản đồ số 39; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Dương Minh C cập nhật biến động ngày 21-3-2022 theo hồ sơ số 002254 CN.002 cho anh Nguyễn T Công, sinh năm 1983; chị Huỳnh Thị Bích Vân, sinh năm 1985, ngụ ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

- Thửa 133, diện tích 2275,6 m² (loại đất: Lúa), tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ CH00210 do Ủy ban nhân dân Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N cấp ngày 12-6-2014 cho anh Nguyễn Thanh T, chị Lâm Thị X (bản gốc giấy chứng nhận QSD đất anh T đang giữ). Trong đó:

+ Diện tích đất 451,9 m²; được xác định bởi chu vi các điểm mốc 1, d, 4, 5, 6 trên sơ đồ hiện trạng sử dụng đất; đã chuyển nhượng cho anh T, chị Anh. Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Phần diện tích đất còn lại 1823,7 m²; được xác định bởi chu vi các điểm mốc d, 2, 3, 4 trên sơ đồ hiện trạng sử dụng; 01 m² đất trị giá là 387.641 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 230921/BCCT-SGL ngày 19-11-2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một T Viên Thẩm định giá SGL.

Chứng thư thẩm định giá số 230921/BCCT-SGL ngày 19-11-2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một T Viên Thẩm định giá SGL thể hiện:

Tài sản trên phần đất thửa 622, 624, tờ bản đồ số 6; giấy chứng nhận QSD đất số 05752QSD đất/966/2004/QĐ-UB cấp ngày 13-7-2004 mang tên Nguyễn Thanh T.

Phần A:

- Căn nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 59,7 m²; trị giá 143.280.000 đồng.

- Diện tích thêm ba xây dựng 34,3 m²; trị giá 9.055.200 đồng.

- Diện tích phòng ngủ xây dựng (phòng không ốp gạch trên tường, ốp gạch dưới sàn) 21 m²; trị giá 50.400.000 đồng.

- Diện tích nhà bếp xây dựng 32,2 m²; trị giá 77.280.000 đồng.

- Diện tích sân gạch 119,7 m²; trị giá 11.491.200 đồng.

- Diện tích mái che 79 m²; trị giá 19.355.000 đồng.

- Diện tích nhà vệ sinh 6 m²; trị giá 6.300.000 đồng.

- Trụ bồn nước cao 3,5 m, chiều rộng 1m²; trị giá 2.000.000 đồng.

- 01 bồn nước đã qua sử dụng trị giá 1.000.000 đồng.

Tổng cộng: 320.161.400 đồng.

- Đối với công trình gắn liền căn nhà cấp 4, được mô tả tại phần B gồm: Diện tích trong nhà xây dựng 16,5 m² và diện tích phòng ngủ xây dựng 10,5 m² là tài sản của anh G. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T, chị X thống nhất: Quyền sử dụng đất diện tích 9.293 m²; thửa 622, 624, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N là tài sản riêng của anh T; không có tranh chấp.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C đã xử:

Căn cứ vào các Điều 33, 59, 60, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 157, 165, 166 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị X và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Duy Tân, sinh ngày 10-4-1995; đã trưởng T, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Lâm Thị X đối với anh Nguyễn Thanh T.

3.1. Chị Lâm Thị X được quyền quản lý, sử dụng tài sản:

- Phần đất diện tích 737,3 m² (loại đất: Lúa), thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa số 131 dài 9,28 m;
- + Phía Tây giáp đường số 2 dài 10,75 m;
- + Phía Bắc giáp đất chia cho anh Nguyễn Thanh T dài 74,25 m;
- + Phía Nam giáp đất anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị Kim Anh dài 75,54 m.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 70E1-018.91; số máy: 5C64-473279; số khung: C640BY473273.

3.2. Anh Nguyễn Thanh T được quyền quản lý, sử dụng tài sản:

- Phần đất diện tích 1086,4 m² (loại đất: Lúa), thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa số 131 dài 13,28 m;
- + Phía Tây giáp đường số 2 dài 16,27 m;
- + Phía Bắc giáp thửa 121, 114 dài 72,49 m;
- + Phía Nam giáp đất chia cho chị Lâm Thị X dài 74,25 m.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

- Căn nhà, tài sản và công trình khác gắn liền trên tài sản riêng của anh Nguyễn Thanh T là phần đất diện tích 9.293 m²; thửa 622, 624, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; bao gồm: Căn nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 59,7 m²; thêm ba diện tích xây dựng 34,3 m²; phòng ngủ diện tích xây dựng 21 m²; nhà bếp diện tích xây dựng 32,2 m²; sân gạch diện tích 119,7 m²; mái che diện tích 79 m²; nhà vệ sinh diện tích 6 m²; trụ bồn nước cao 3,5 m, chiều rộng 1m²; 01 bồn nước đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1-2059; số máy C100ME-05640; số khung: C100M-005640; giấy đăng ký mô tô, xe máy số 009445 mang tên anh Nguyễn Thanh T; (hiện anh T đang giữ).

- Số tiền bán mì là 23.980.000 đồng.

- Số tiền bán trâu là 12.000.000 đồng.

3.3. Anh T có trách nhiệm giao lại cho chị X số tiền chênh lệch tài sản, bao gồm: Nhà, tài sản và công trình khác là 128.064.560 đồng + tiền bán mì là 11.990.000 đồng + tiền bán trâu là 6.000.000 đồng + xe mô tô nhãn hiệu Dream là 12.500.000 đồng = 158.554.560 đồng.

Chị X có trách nhiệm giao lại cho anh T số tiền chênh lệch tài sản xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius là 8.000.000 đồng và tiền phụ trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Dương Minh C là 19.294.397 đồng; tổng cộng là 27.294.397 đồng.

Đổi trừ nghĩa vụ thì anh T có trách nhiệm giao lại cho chị X số tiền là 131.260.163 (một trăm ba mươi một triệu hai trăm sáu mươi ngàn một trăm sáu mươi ba) đồng.

3.4. Anh T có trách nhiệm giao lại cho chị X bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001781 của xe mô tô biển số 70E1-018.91.

4. Anh T có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-202001195 ngày 07-02-2020 đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Dương Minh C và có trách nhiệm trả tất nợ khi đến hạn.

5. Ghi nhận các đương sự không yêu cầu giải quyết:

5.1. Đối với diện tích đất 451,9 m²; được xác định bởi chu vi các điểm mốc 1, d, 4, 5, 6 trên sơ đồ hiện trạng sử dụng đất; thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

5.2. Diện tích trong nhà xây dựng 16,5 m² và diện tích phòng ngủ xây dựng 10,5 m² được mô tả tại phần B trong Chứng thư thẩm định giá số 230921/BCCT-SGL ngày 19-11-2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một T Viên Thẩm định giá SGL.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí đo đạc định giá quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 26- 9- 2022, bị đơn anh Nguyễn Thanh T kháng cáo, nội dung kháng cáo: anh T không đồng ý chia Căn nhà, tài sản và công trình khác; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1-2059; số máy C100ME-05640; số

khung: C100M-005640; giấy đăng ký mô tô, xe máy số 009445 mang tên anh Nguyễn Thanh T.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, H đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị X yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Nên H đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị.

[2] Về con chung: Con chung Nguyễn Duy Tân, sinh ngày 10-4-1995; đã trưởng T, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thanh T thì thấy rằng:

[3.1] Đối với căn nhà, tài sản và công trình khác được mô tả tại phần A trong Chứng thư thẩm định giá là tài sản do vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân, đã cùng quản lý, sử dụng và sinh sống tại đây từ năm 2014 cho đến nay; anh T không có căn cứ để chứng minh là tài sản riêng; mặc khác, tại biên bản hòa giải ngày 07-5-2021 (từ bút lục số 30 đến số 32) anh thừa nhận đây là tài sản chung. Do đó, có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung này; mặc khác, chị X có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến việc ly hôn; do đó, cần chia cho anh T nhiều hơn chị X, cụ thể: Anh T được chia nhà, tài sản và công trình gắn liền trên đất trị giá 192.096.840 đồng (tỷ lệ hưởng 60%); chị X được chia giá trị tài sản là 128.064.560 đồng (tỷ lệ hưởng 40%); là có căn cứ theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 59, điểm b, d khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1-2059; trị giá 25.000.000 đồng; hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Anh T trình bày xe mua năm 1997, là tài sản riêng của anh. Xét thấy, đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; không phải được thừa kế riêng, được tặng cho riêng; anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh là tài sản riêng; mặc khác, tại biên bản hòa giải ngày 07-5-2021 (từ bút lục số 30 đến số 32) anh thừa nhận đây là tài sản chung. Do đó, có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên được chia đôi theo quy định tại các Điều 33, 59 của Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014, cụ thể: Anh T được chia xe mô tô và có trách nhiệm giao lại cho chị X số tiền chênh lệch tài sản là 12.500.000 đồng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định căn nhà và các công trình phụ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1-2059 là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ và đã chia giá trị căn nhà theo tỷ lệ 60-40 như trên là phù hợp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh T.

[5] Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Phần quyết định của bản án về hôn nhân, con chung không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T.

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh C đã xử:

Căn cứ vào các Điều 33, 59, 60, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 157, 165, 166 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị X và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Duy Tân, sinh ngày 10-4-1995; đã trưởng T, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Lâm Thị X đối với anh Nguyễn Thanh T.

3.1. Chị Lâm Thị X được quyền quản lý, sử dụng tài sản:

- Phần đất diện tích 737,3 m² (loại đất: Lúa), thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa số 131 dài 9,28 m;
- + Phía Tây giáp đường số 2 dài 10,75 m;
- + Phía Bắc giáp đất chia cho anh Nguyễn Thanh T dài 74,25 m;
- + Phía Nam giáp đất anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị Kim Anh dài 75,54 m.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 70E1-018.91; số máy: 5C64-473279; số khung: C640BY473273.

3.2. Anh Nguyễn Thanh T được quyền quản lý, sử dụng tài sản:

- Phần đất diện tích 1086,4 m² (loại đất: Lúa), thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa số 131 dài 13,28 m;
- + Phía Tây giáp đường số 2 dài 16,27 m;
- + Phía Bắc giáp thửa 121, 114 dài 72,49 m;
- + Phía Nam giáp đất chia cho chị Lâm Thị X dài 74,25 m.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

- Căn nhà, tài sản và công trình khác gắn liền trên tài sản riêng của anh Nguyễn Thanh T là phần đất diện tích 9.293 m²; thửa 622, 624, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N; bao gồm: Căn nhà cấp 4, diện tích sàn xây dựng 59,7 m²; thêm ba diện tích xây dựng 34,3 m²; phòng ngủ diện tích xây dựng 21 m²; nhà bếp diện tích xây dựng 32,2 m²; sân gạch diện tích 119,7 m²; mái che diện tích 79 m²; nhà vệ sinh diện tích 6 m²; trụ bồn nước cao 3,5 m, chiều rộng 1m²; 01 bồn nước đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1-2059; số máy C100ME-05640; số khung: C100M-005640; giấy đăng ký mô tô, xe máy số 009445 mang tên anh Nguyễn Thanh T; (hiện anh T đang giữ).

- Số tiền bán mì là 23.980.000 đồng.

- Số tiền bán trâu là 12.000.000 đồng.

3.3. Anh T có trách nhiệm giao lại cho chị X số tiền chênh lệch tài sản, bao gồm: Nhà, tài sản và công trình khác là 128.064.560 đồng + tiền bán mì là 11.990.000 đồng + tiền bán trâu là 6.000.000 đồng + xe mô tô nhãn hiệu Dream là 12.500.000 đồng = 158.554.560 đồng.

Chị X có trách nhiệm giao lại cho anh T số tiền chênh lệch tài sản xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius là 8.000.000 đồng và tiền phụ trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Dương Minh C là 19.294.397 đồng; tổng cộng là 27.294.397 đồng.

Đối trừ nghĩa vụ thì anh T có trách nhiệm giao lại cho chị X số tiền là 131.260.163 (một trăm ba mươi một triệu hai trăm sáu mươi ngàn một trăm sáu mươi ba) đồng.

3.4. Anh T có trách nhiệm giao lại cho chị X bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001781 của xe mô tô biển số 70E1-018.91.

4. Anh T có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-202001195 ngày 07-02-2020 đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Dương Minh C và có trách nhiệm trả tất nợ khi đến hạn.

5. Ghi nhận các đương sự không yêu cầu giải quyết:

5.1. Đối với diện tích đất 451,9 m²; được xác định bởi chu vi các điểm mốc 1, d, 4, 5, 6 trên sơ đồ hiện trạng sử dụng đất; thuộc một phần thửa 133, tờ bản đồ số 39; tọa lạc tại ấp Phước L, xã Phước N, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

5.2. Diện tích trong nhà xây dựng 16,5 m² và diện tích phòng ngủ xây dựng 10,5 m² được mô tả tại phần B trong Chứng thư thẩm định giá số 230921/BCCT-SGL ngày 19-11-2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một T Viên Thẩm định giá SGL.

6. Chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Lâm Thị X số tiền 19.800.000 (mười chín triệu tám trăm ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Án phí:

8.1. Chị Lâm Thị X tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 21.201.460 đồng án phí chia tài sản chung; tổng cộng chịu 21.351.460 đồng khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 11.712.500 đồng mà chị X đã nộp tại Biên lai thu số: 0005654, 005655 ngày 22-3-2021; 0012395 ngày 09-6-2022; chị X còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 9.638.960 (chín triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi) đồng.

8.2. Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 29.418.279 (hai mươi chín triệu bốn trăm mười tám ngàn hai trăm bảy mươi chín) đồng.

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số: 0012607 ngày 26-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện DMC;
- THADS huyện DMC;
- Các đương sự
- Tòa dân sự;
- Lưu hs;
- Lưu tập án

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình